

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**GIẢI TRÌNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ:

- Quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;
- Các báo cáo tài chính tự lập các quý năm 2024;

Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam (mã chứng khoán: DVM) xin giải trình sự biến động của lợi nhuận năm 2024 so với năm 2023 và các chênh lệch giữa báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 và báo cáo tự lập đã công bố như sau:

**1. Chênh lệch lợi nhuận giữa năm 2024 và năm 2023:**

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước	Giá trị tăng giảm	Tỷ lệ tăng giảm
1	2	4	5	6	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.580.015.291.142	1.482.341.922.333	97.673.368.809	6,59
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	46.032.000	622.238.801	(576.206.801)	-92,60
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1.579.969.259.142	1.481.719.683.532	98.249.575.610	6,63
4. Giá vốn hàng bán	11	1.439.371.590.106	1.323.480.020.325	115.891.569.781	8,76
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	140.597.669.036	158.239.663.207	(17.641.994.171)	-11,15
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.592.777.323	6.130.105.302	(1.537.327.979)	-25,08
7. Chi phí tài chính	22	47.700.455.832	58.874.378.815	(11.173.922.983)	-18,98
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	47.700.455.832	58.874.378.815	(11.173.922.983)	-18,98
8. Chi phí bán hàng	25	11.254.728.685	25.672.546.257	(14.417.817.572)	-56,16
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.419.639.298	30.829.595.637	(2.409.956.339)	-7,82



10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26)	30	57.815.622.544	48.993.247.800	8.822.374.744	18,01
11. Thu nhập khác	31	764.986.315	655.912.019	109.074.296	16,63
12. Chi phí khác	32	3.179.149.538	152.891.592	3.026.257.946	1979,35
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(2.414.163.223)	503.020.427	(2.917.183.650)	-579,93
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	55.401.459.321	49.496.268.227	5.905.191.094	11,93
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.526.574.665	6.333.919.392	1.192.655.273	18,83
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0		0,00
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	47.874.884.656	43.162.348.835	4.712.535.821	10,92

- Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm trước 4.712.535.821 đồng tương đương 10,92% do:
  - ✓ Doanh thu năm 2024 tăng 97 tỷ đồng so với năm 2023 nhưng giá vốn cũng tăng 98 tỷ đồng do mặt hàng tân được có giá vốn cao chiếm tỷ trọng doanh thu lớn.
  - ✓ Chi phí tài chính giảm
  - ✓ Chi phí bán hàng do công ty tập trung vào các kênh bán buôn, đại lý lớn và bên bán giảm thiểu kênh bán lẻ.
  - ✓ Chi phí quản lý giảm 2,4 tỷ chủ yếu do biến động giảm tiền lương và các khoản thưởng theo lương cho người lao động.



Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Vp.



VŨ THÀNH TRUNG